**KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ I**

**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**

**I.  KHUNG MA TRẬN:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| ***1. Mở đầu về khoa học tự nhiên***  ***(17 tiết)*** | *1*  *(1,0đ)* | *5*  *(1,25đ)* | *1*  *(1,0đ)* | *3*  *(0,75đ)* | *1*  *(1,0đ)* | *2*  *(0,5đ)* |  |  | *3*  *(3,0đ)* | *10*  *(2,5đ)* | **5,5** |
| ***2. Chất quanh ta***  ***(9 tiết)*** | *1*  *(1,0đ)* | *3*  *(0,75đ)* | *1*  *(1,0đ)* | *1*  *(0,25đ)* |  | *2*  *(0,5đ)* | *1*  *(1,0đ)* |  | *4*  *(3,0)* | *6*  *(1,5 đ)* | **4,5** |
| **Số  câu** | **2** | **8** | **2** | **4** | **1** | **4** | **1** | **0** | **6** | **16** | **22 câu** |
| **Điểm** | **2,0** | **2,0** | **2,0** | **1,0** | **1,0** | **1,0** | **1,0** | **0** | **6,0** | **4,0** | **10,0** |
| **% điểm** | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | |  | | **100%** |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | |
| **TL** | **TN** |
| ***1. Mở đầu về khoa học tự nhiên***  ***(17 tiết)*** | **Nhận biết** | Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên. |  |  |
| Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống | **1** | **1** |
| Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. |  | **1** |
| Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. |  | **1** |
| Nêu được cách đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  | **1** |
| Nêu được đơn vị đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  | **1** |
| Nêu được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  |  |
| Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. |  |  |
| Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo |  |  |
| **Thông hiểu** | Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu. |  | **1** |
| Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. |  | **1** |
| Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. |  | **1** |
| Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. |  |  |
| - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ) |  |  |
| Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. |  | **1** |
| Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo. |  |  |
| Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |
| **Vận dụng** | Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của các dụng cụ đo |  | **1** |
| Dùng thước (cân, đồng hồ, nhiệt kế) để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. | **1** |  |
| Thực hiện đúng thao tác để đo được chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiêt độ) bằng thước (cân đồng hồ, đồng hồ, nhiệt kế) *(không yêu cầu tìm sai số).* |  |  |
| **Vận dụng cao** | Thiết kế được phương án đo đường kính của ống trụ (ống nước, vòi máy nước), đường kính các trục hay các viên bi,.. |  |  |
| Thiết lập được biểu thức quy đổi nhiệt độ từ thang nhiệt độ Celsius sang thang nhiệt độ Fahrenheit và ngược lại. |  |  |
| ***2. Chất quanh ta***  ***(9 tiết)*** | **Nhận biết** | Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật sống, vật không sống) | **1** | **2** |
| Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. |  | **1** |
| **Thông hiểu** | Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật sống, vật không sống |  |  |
| Nêu được tính chất vật lí, tính chất hoá học của chất. |  | **1** |
| Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. |  |  |
| Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể rắn, thể lỏng, thể khí | **1** | **1** |
| Trình bày được quá trình diễn ra sự nóng chảy, đông đặc, bay hơi, ngưng tụ, sự sôi | **1** |  |
| Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...). |  |  |
| Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. |  |  |
| Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước). |  |  |
| Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. |  |  |
| Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. |  |  |
| **Vận dụng** | Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể rắn sang thể lỏng của chất và ngược lại, từ thể lỏng sang thể khí và ngược lại |  |  |
| Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí. |  |  |
| Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. |  |  |
| **Vận dụng cao** | Dự đoán được tốc độ bay hơi phụ thuộc vào 3 yếu tố: nhiệt độ, mặt thoáng chất lỏng và gió. |  |  |
| Đưa ra được biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí. | **1** | **1** |
| Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT GIA LÂM**  **TRƯỜNG THCS KIM LAN**  **ĐỀ SỐ 1** | **ĐỀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I**  **MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**  **Tiết: 35 + 36 (Theo KHDH)**  Năm học: 2023 - 2024 |

**PHẦN I. TRẮC NGIỆM ( 4,0 điểm):**

**Chọn đáp án đúng nhất và ghi lại kết quả vào giấy kiểm tra. ( Ví dụ: 1 – A; 2 – B;…)**

**----------**

***Câu 1. Phát biểu nào sau đây là đúng về vai trò của khoa học tự nhiên trong cuộc sống?***

A. Mở rộng sản xuất và phát triển kinh tế

B. Cung cấp thông tin mới và nâng cao hiểu biết của con người

C. Bảo vệ môi trường; Ứng phó với biển đổi khí hậu.

D. Cả 3 đáp án trên

***Câu 2. Để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành cần thực hiện nguyên tắc nào dưới đây?***

A. Làm thí nghiệm theo sự hướng dẫn của bàn bè trong lớp.

B. Có thể nhận biết hóa chất bằng cách ngửi hóa chất.

C. Mang đồ ăn vào phòng thực hành.

D. Đọc kĩ nội quy và thực hiện theo nội quy phòng thực hành.

***Câu 3. Ta dùng kính lúp để quan sát:***

A. Trận bóng đá trên sân vận động B. Một con ruồi

C. Các chi tiết máy của đồng hồ đeo tay D. Kích thước của tế bào virus

***Câu 4. Đơn vị nào là đơn vị đo độ dài hợp pháp của nước ta?***

A. Mét (m) B. Kilômét (km) C. Centimét (cm) D. Đềximét (dm)

***Câu 5. Cho các bước đo độ dài gồm:***

*(1) Đặt thước dọc theo chiều dài cần đo, vạch số 0 của thước ngang với một đầu của vật.*

*(2) Ước lượng chiều dài cần đo để chọn thước đo thích hợp*

*(3) Đọc kết quả theo vạch chia gần nhất với đầu kia của vật*

*(4) Ghi kết quả đo theo ĐCNN của thước*

*(5) Mắt nhìn theo hướng vuông góc với cạnh thước ở đầu kia của vật*

***Để đo chính xác độ dài của vật ta cần thực hiện theo thứ tự nào sau đây?***

A. (2), (1), (5), (3), (4) B. (3), (2), (1). (4), (5)

C. (2), (1), (3), (4), (5)  D. (2), (3), (1), (5), (4)

***Câu 6.* *Lĩnh vực chuyên nghiên cứu về năng lượng thuộc lĩnh vực nào của khoa học tự nhiên?***

A. Hóa học B. Sinh học C. Vật lí D. Thiên văn học

***Câu 7. Biển báo trong hình dưới đây có ý nghĩa gì?***



A. Cấm uống nước B. Cấm lửa

C. Chất độc sinh học D. Chất ăn mòn

***Câu 8. Vật nào sau đây là vật sống?***

A. Con robot B. Con gà C. Lọ hoa D. Trái Đất

***Câu 9*. *Xác định giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của thước trong hình dưới đây:***



A. GHĐ 100 cm, ĐCNN 1 cm. B**.** GHĐ 100 cm, ĐCNN 5 cm.

C. GHĐ 100 cm, ĐCNN 0,5 m. D. GHĐ 100 cm, ĐCNN 0,5 cm.

***Câu 10. Các ví dụ trong dãy nào sau đây đều là chất?***

A. Đồng, muối ăn, đường mía B. Muối ăn, nhôm, cái ấm nước

C. Đường mía, xe máy, nhôm D. Cốc thủy tinh, cát, con mèo

***Câu 11. Dãy gồm các vật thể tự nhiên là:***

A. Con mèo, xe máy, con người B. Con sư tử, đồi núi, mủ cao su

C. Bánh mì, nước ngọt có gas, cây cối D. Cây cam, quả nho, bánh ngọt

***Câu 12. Thế nào là sự nóng chảy:***

A. Là quá trình chất ở thể rắn chuyển sang thể lỏng

B. Là quá trình chất ở thể lỏng chuyển sang thể rắn

C. Là quá trình chất ở thể lỏng chuyển sang thể hơi

D. Là quá trình chất ở thể hơi chuyển sang thể lỏng

***Câu 13. Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất hóa học?***

A. Hòa tan muối vào nước

B. Đun nóng bát đựng muối đến khi có tiếng nổ lách tách

C. Đun nóng đường ở thể rắn để chuyển sang đường ở thể lỏng

D. Đun nóng đường đến khi xuất hiện chất màu đen

***Câu 14. Để bảo vệ không khí trong lành chúng ta nên làm gì?***

A. Chặt cây xây cầu cao tốc.

B. Đổ chất thải chưa qua xử lí ra môi trường.

C. Trồng cây xanh.

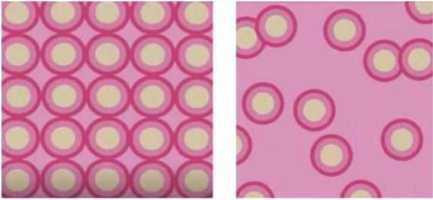
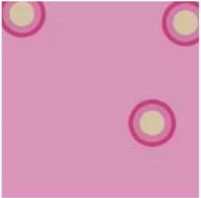
D. Xây thêm nhiều khu công nghiệp.

***Câu 15.* Nhiệt kế thuỷ ngân không thể đo được:**

A. Nhiệt độ của nước đá. B. Nhiệt độ cơ thê người.

C. Nhiệt độ khí quyển. D. Nhiệt độ của một lò luyện kim.

***Câu 16.*** Đặc điểm sắp xếp các hạt trong 3 thể của chất được mô tả như hình vẽ

 Hình 1 Hình 2 Hình 3

Các thê của chất tương ứng với 3 hình là

A. Hình 1: rắn, hình 2: lỏng, hình 3: khí B. Hình 1, 2: rắn, hình 3: lỏng

C. Hình 1: rắn, hình 2, 3: lỏng D. Hình 1: lỏng, hình 2: rắn, hình 3: khí

**PHẦN II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**

**Câu 17 (1,0 điểm):**

# a/ Các lĩnh vực chủ yếu của KHTN và chỉ ra đối tượng nghiên cứu của từng lĩnh vực?

b/ Nêu các vai trò của KHTN trong cuộc sống. Lấy 1 ví dụ về hoạt động nghiên cứu KHTN và cho biết hoạt động đó đem lại lợi ích gì cho cuộc sống của con người.

**Câu 18 (1,0 điểm):** Hãy chỉ ra đâu là vật thể, đâu là chất trong những từ *in nghiêng*:

a) *Cơ thể người* có 63-68 % khối lượng là *nước*.

b) *Than chì* là chất dùng làm lõi *bút chì.*

c) *Dây điện* làm bằng *đồng* được bọc một lớp *chất dẻo*.

d) *Áo* may bằng sợi bông ( 95-98%là *xenlulozo*) mặc thoáng mát hơn may bằng *nilong* (một thứ tơ tổng hợp).

**Câu 19 (1,0 điểm):**

a/ Trình bày một số tính chất của chất ở thể rắn và thể lỏng.

b/ Viết sơ đồ thể hiện sự chuyển thể của các chất (rắn, lỏng, khí).

**Câu 20 (1,0 điểm).** Các thao tác nào dưới đây là sai khi dùng cân đồng hồ hoặc cân điện tử? Nêu cách khắc phục để thu được kết quả đo chính xác.

a) Đặt cân trên bề mặt không bằng phẳng.

b) Đặt mắt vuông góc với mặt đồng hồ.

c) Để vật cồng kềnh trên đĩa cân.

d) Để vật lệch một bên trên đĩa cân.

**Câu 21(1,0 điểm):** Bạn Vinh tiến hành đun nước liên tục trên bếp điện và bạn ghi lại bảng số liệu sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian đun nước (phút)** | **Nhiệt độ**  **(°C) ■** | **Thời gian đun nước (phút)** | **Nhiệt độ**  **(°C) ■** |
| 0 | 30 | 10 | 97 |
| 1 | 35 | 11 | 100 |
| 2 | 52 | 12 | 100 |
| **4** | 68 | 13 | 98 |
| 6 | 68 | 14 | 100 |
| 8 | 89 | 15 | 100 |

a) Vẽ đổ thị biễu diễn nhiệt độ của nước theo thời gian đun từ bảng số liệu trên.

b) Em có nhận xét gì về bảng số liệu bạn Vinh ghi nhận được. Số liệu nào bị lỗi?

c) Có thể xác định nhiệt độ nước tại thời điểm bạn Vinh ghi số liệu có bị lỗi không?

**Câu 22 (1,0 điểm):** Em hãy nêu một số biện pháp để giảm thiểu ô nhiễm không khí?

*----------Hết----------*

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT GIA LÂM**  **TRƯỜNG THCS KIM LAN**  **ĐỀ SỐ 2** | **ĐỀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I**  **MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**  **Tiết: 35 + 36 (Theo KHDH)**  Năm học: 2023 - 2024 |

**PHẦN I. TRẮC NGIỆM ( 4,0 điểm):**

**Chọn đáp án đúng nhất và ghi lại kết quả vào giấy kiểm tra. ( Ví dụ: 1 – A; 2 – B;…)**

***Câu 1. Phát biểu nào sau đây là đúng về vai trò của khoa học tự nhiên trong cuộc sống?***

A. Mở rộng sản xuất và phát triển kinh tế

B. Cung cấp thông tin mới và nâng cao hiểu biết của con người

C. Bảo vệ môi trường; Ứng phó với biển đổi khí hậu.

D. Cả 3 đáp án trên

***Câu 2. Hoạt động nào sau đây không thực hiện đúng quy tắc an toàn trong phòng thực hành?***

A. Đeo găng tay khi làm thí nghiệm.

B. Không ăn uống, đùa nghịch trong phòng thí nghiệm.

C. Để hóa chất không đúng nơi quy định sau khi làm xong thí nghiệm.

D. Làm thí nghiệm theo sự hướng dẫn của giáo viên.

***Câu 3. Người ta sử dụng kính hiển vi để quan sát:***

A. Hồng cầu B. Mặt Trăng C. Máy bay D. Con kiến

***Câu 4. Đơn vị cơ bản đo thời gian trong hệ đo lường hợp pháp của nước ta là:***

A. Giờ B. Giây C. Phút D. Ngày

***Câu 5. Có các bước đo khối lượng của vật:***

*(1) Vặn ốc điều chỉnh để kim cân chỉ đúng vạch số 0*

*(2) Ước lượng khối lượng của vật để chọn cân có GHĐ và ĐCNN thích hợp*

*(3) Đặt vật cần cân lên đĩa cân*

*(4) Đọc và ghi kết quả đo*

*(5) Mắt nhìn vuông góc với vạch chia trên mặt cân ở đầu kim* ***c****ân*

***Để đo khối lượng của một vật dùng cân đồng hồ ta thực hiện theo thứ tự các bước như nào là đúng nhất?***

A. (1), (2), (3), (4), (5) B. (2). (1), (3), (5), (4)

C. (2). (1), (3), (4), (5) D. (1), (2), (3), (5), (4)

***Câu 6.* *Lĩnh vực chuyên nghiên cứu về chất và sự biến đổi của chúng thuộc lĩnh vực nào của khoa học tự nhiên?***

A. Hóa học B. Sinh học C. Vật lí D. Thiên văn học

***Câu 7. Biển báo trong hình dưới đây có ý nghĩa gì?***



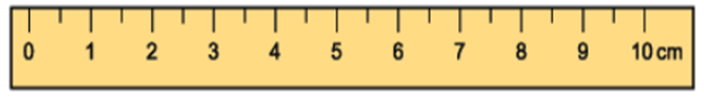
A. Cấm thực hiện B. Cảnh báo các khu vực nguy hiểm

C. Cảnh báo chỉ dẫn thực hiện D. Cảnh bảo bắt buộc thực hiện

***Câu 8. Vật nào sau đây là vật không sống?***

A. Quả cà chua ở trên cây B. Con mèo C. Than củi D. Vi khuẩn

***Câu 9*. Xác định giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của thước trong hình dưới đây:**



A. GHĐ 10 cm, ĐCNN 1 cm. B**.** GHĐ 10 cm, ĐCNN 5 cm.

C. GHĐ 10 cm, ĐCNN 0,5 mm. D. GHĐ 10 cm, ĐCNN 0,5 cm.

***Câu 10. Các ví dụ trong dãy nào sau đây đều là vật thể?***

A. Cái thìa nhôm, cái ấm sắt, canxi B. Con chó, con dao, đồi núi

C. Sắt, nhôm, mâm đồng D. Bóng đèn, điện thoại, thủy ngân

***Câu 11. Dãy gồm các vật sống là:***

A. Cây nho, cây cầu, đường mía B. Con chó, cây bàng, con cá

C. Cây cối, đồi núi, con chim D. Muối ăn, đường thốt nốt, cây cam

***Câu 12. Thế nào là sự đông đặc:***

A. Là quá trình chất ở thể rắn chuyển sang thể lỏng

B. Là quá trình chất ở thể lỏng chuyển sang thể rắn

C. Là quá trình chất ở thể lỏng chuyển sang thể hơi

D. Là quá trình chất ở thể hơi chuyển sang thể lỏng

***Câu 13. Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất vật lí ?***

A. Cô cạn nước đường thành đường

B. Đun nóng đường đến khi xuất hiện chất màu đen

C. Để lâu ngoài không khí, lớp ngoài của đinh sắt biến thành gỉ sắt màu nâu, giòn và xốp.

D. Hơi nến cháy trong không khí chứa oxygen tạo thành carbon dioxide và hơi nước.

***Câu 14. Giải pháp để giữ bầu không khí trong lành?***

A. Hướng dẫn người dân sử dụng năng lượng hợp lí, tiết kiệm

B. Đề ra quy định nghiêm ngặt về xử lí khí thải, chất độc hại

C. Bảo vệ và trồng cây xanh

D. Cả 3 đáp án trên

***Câu 15.* Không thể dùng nhiệt kế rượu để đo nhiệt độ của hơi nước đang sôi vì:**

A. Rượu sôi ở nhiệt độ cao hơn 100°C.

B. Rượu sôi ở nhiệt độ thấp hơn 100°C.

C. Rượu đông đặc ở nhiệt độ thấp hơn 100°C.

D. Rượu đông đặc ở nhiệt độ cao hơn 100“C.

***Câu 16.* Có thể đựng dầu ăn trong chai, nước trong bình, mắm trong lọ vì các chất đó có đặc điểm chung của chất lỏng là:**

A. Tính dễ lan chảy. B. Khó bị nén.

C. Các hạt liên kết không chặt chẽ. D. Không có hình dạng xác định.

**PHẦN II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**

**Câu 17 (1,0 điểm):**

# a/ Các lĩnh vực chủ yếu của KHTN và chỉ ra đối tượng nghiên cứu của từng lĩnh vực?

b/ Nêu các vai trò của KHTN trong cuộc sống. Lấy 1 ví dụ về hoạt động nghiên cứu KHTN và cho biết hoạt động đó đem lại lợi ích gì cho cuộc sống của con người.

**Câu 18 (1,0 điểm):** Hãy chỉ ra đâu là vật thể, đâu là chất trong những từ *in nghiêng*:

a) *Xe đạp* được chế tạo từ: *sắt, nhôm, cao su…*

b/ *Thuỷ tinh* là vật liệu chế tạo ra nhiều vật gia dụng khác nhau như *lọ hoa, cốc, bát,…*

c/ *Paracetamol* là thành phần chính của *thuốc* điều trị cảm cúm.

d) *Than chì* là chất dùng làm lõi *bút chì.*

**Câu 19 (1,0 điểm):**

a/ Trình bày một số tính chất của chất ở thể rắn và thể khí.

b/ Viết sơ đồ thể hiện sự chuyển thể của các chất (rắn, lỏng, khí).

**Câu 20 (1,0 điểm).** Các thao tác nào dưới đây là sai khi dùng nhiệt kế thủy ngân? Nêu cách khắc phục để thu được kết quả đo chính xác.

a) Không cần vẩy nhiệt kế trước khi đo.

b) Sau khi lấy nhiệt kế ra khỏi môi trường cần đo phải đợi 1 lúc sau mới đọc kết quả.

c) Dùng bông y tế lau sạch thân và bầu nhiệt kế.

d) Dùng tay nắm chặt bầu nhiệt kế.

**Câu 21 (1,0 điểm):** Bạn Minh nghiên cứu sự thay đổi thể của nước theo nhiệt độ và bạn đã ghi lại số liệu bằng đồ thị dưới đây, dựa vào đồ thị em hãy trả lời các câu hỏi sau:

**Chart

Description automatically generated**

a) Ở điểm nào nước bắt đẩu nóng chảy? Ở điểm nào nước bắt đầu sôi?

b) Đoạn BC xảy ra quá trình biến đổi nào của nước?

c) Nêu các thể tổn tại của nước trong đoạn CG.

d) Tại điểm H nước tồn tại ở thể nào?

**Câu 22 (1,0 điểm):** Em hãy nêu một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí?

*----------Hết----------*

**HƯỚNG DẪN CHẤM – BIỂU ĐIỂM**

**ĐỀ SỐ 1**

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm):**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đáp án** | D | D | C | A | A | C | A | B |
| **Câu** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| **Đáp án** | D | A | B | A | D | C | D | A |

**PHẦN II. TỰ LUẬN (6,0 điểm):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **17**  **(1,0 điểm)** | a/ Các lĩnh vực chủ yếu của KHTN: + Hóa học: chất và sự biến đổi của chất  + Sinh học: vật sống  + Vật lí học: chuyển động, lực, năng lượng  + Thiên văn học: thiên thể  + Khoa học Trái Đất: Trái Đất và bầu khí quyển | **0,5** |
| b/ Các thành tựu của KHTN được áp dụng vào công nghệ để chế tạo ra các phương tiện phục vụ cho mọi lĩnh vực của đời sống con người: + Chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ con người.  + Ứng dụng vào cuộc sống, sản xuất, kinh doanh.  + Cung cấp thông tin và nâng cao tầm nhận thức của con người về thế giới tự nhiên. | **0,25** |
| Ví dụ: Nghiên cứu các loại văc -xin → bảo vệ sức khỏe | **0,25** |
| **18**  **(1,0 điểm)** | |  |  | | --- | --- | | **Vật thể** | **Chất** | | Cơ thể người | Nước | | Bút chì | Than chì | | Dây điện | Đồng, chất dẻo | | Áo | Xenlulozo, nilong | | **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25** |
| **19**  **(1,0 điểm)** | **a/**   |  |  | | --- | --- | | **Thể rắn** | **Thể lỏng** | | Có hình dạng xác định | Không có hình dạng xác định | | Không chảy được | Có khả năng lan truyền (chảy được, rót được) | | Rất khó nén | Khó nén | | **0,5** |
|  |  |
| c/ Sơ đồ: (HS vẽ đúng, đủ 4 quá trình) | **0,5** |
| **20**  **(1,0 điểm)** | - Các thao tác sai: a, c, d  a) => Phải đặt cân trên bề mặt bằng phẳng để cân đo chính xác khối lượng.  c) => Để các vật có kích thước vừa phải, phù hợp với từng loại cân.  d) => Để cân đo chính xác khối lượng vật, ta cần để vật cân đối trên đĩa cân | **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25** |
| **21**  **(1,0 điểm)** | 1. Vẽ đúng biểu đồ 2. Số liệu bị lỗi: thời điểm **13 phút** – nhiệt độ nước là **980C** 3. Nhiệt độ thời điểm 13 phút - 1000C | **0,5**  **0,25**  **0,25** |
| **22**  **(1,0 điểm)** | - HS nêu được tối thiểu 4 biện pháp | **1,0** |

**HƯỚNG DẪN CHẤM – BIỂU ĐIỂM**

**ĐỀ SỐ 2**

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm):**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đáp án** | D | C | A | B | B | A | B | C |
| **Câu** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| **Đáp án** | D | B | B | B | A | D | B | D |

**PHẦN II. TỰ LUẬN (6,0 điểm):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **17**  **(1,0 điểm)** | a/ Các lĩnh vực chủ yếu của KHTN: + Hóa học: chất và sự biến đổi của chất  + Sinh học: vật sống  + Vật lí học: chuyển động, lực, năng lượng  + Thiên văn học: thiên thể  + Khoa học Trái Đất: Trái Đất và bầu khí quyển | **0,5** |
| b/ Các thành tựu của KHTN được áp dụng vào công nghệ để chế tạo ra các phương tiện phục vụ cho mọi lĩnh vực của đời sống con người: + Chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ con người.  + Ứng dụng vào cuộc sống, sản xuất, kinh doanh.  + Cung cấp thông tin và nâng cao tầm nhận thức của con người về thế giới tự nhiên. | **0,25** |
| Ví dụ: Nghiên cứu các loại văc -xin → bảo vệ sức khỏe | **0,25** |
| **18**  **(1,0 điểm)** | |  |  | | --- | --- | | **Vật thể** | **Chất** | | Xe đạp | Sắt, nhôm, cao su, ... | | Lọ hoa, cốc, bát | Thủy tinh | | Thuốc cảm cúm | Paracetamol | | Bút chì | Than chì | | **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25** |
| **19**  **(1,0 điểm)** | **a/**   |  |  | | --- | --- | | **Thể rắn** | **Thể khí** | | Có hình dạng xác định | Không có hình dạng xác định | | Không chảy được | Có khả năng lan truyền theo mọi hướng | | Rất khó nén | Dễ bị nén | | **0,5** |
|  | **0,25** |
| c/ Sơ đồ: (HS vẽ đúng, đủ 4 quá trình) | **0,5** |
| **20**  **(1,0 điểm)** | - Các thao tác sai: a, b, d  a) => Kiểm tra trước khi đo (vẩy cho thủy ngân bên trong nhiệt kế tụt xuống)  b) => Sau khi lấy nhiệt kế ra khỏi môi trường cần đo, phải đọc luôn kết quả.  d) => Tay cầm vào thân nhiệt kế (k cầm vào bầu nhiệt kế) | **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25** |
| **21**  **(1,0 điểm)** | 1. Thời điểm nước bắt đầu nóng chảy: 0oC; nước bắt đầu sôi: 100oC 2. Đoạn BC: quá trình nóng chảy của nước 3. Đoạn CG: nước tồn tại ở thể lỏng và hơi 4. Tại H nước tồn tại thể hơi | **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25** |
| **22**  **(1,0 điểm)** | - HS nêu được tối thiểu 4 biện pháp | **1,0** |